

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 7 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Bé Ngọc
- Ông Hứa Văn Soi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Phước Lộc - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Thế K; sinh năm: 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ (Ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang cũ).

2. Bị đơn: Chị Đoàn Kim C; sinh năm: 1985. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ (Ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang cũ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Huỳnh Thế K trình bày:

- Anh Huỳnh Thế K và chị Đoàn Kim C kết hôn vào năm 2011. Hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 005/2011 ngày 09/02/2011. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và vợ, chồng đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ, chồng không hòa giải, hàn gắn để đoàn tụ. Do hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị Đoàn Kim C.

- Về con chung: Vợ, chồng có 02 (hai) con chung là cháu Huỳnh Minh K1, sinh ngày 11/5/2012 và cháu Huỳnh Minh P, sinh ngày 11/3/2020. Khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và chưa yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân, về tài sản chung và nợ chung. Về con chung, anh K yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Huỳnh Minh P và chưa yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu Huỳnh Minh K1, anh K yêu cầu giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng thì anh K đồng ý cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Đoàn Kim C trình bày:

- Chị Huỳnh Kim C1 và anh Huỳnh Thế K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật như lời trình bày của anh K. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân khoảng 01 năm tính đến ngày hòa giải ngày 13/01/2025. Nay anh K yêu cầu ly hôn thì chị C1 không thống nhất vì lý do các con còn nhỏ tuổi, chị C1 không muốn ảnh hưởng đến các con nên không muốn ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Huỳnh Minh K1, sinh ngày 11/5/2012 và cháu Huỳnh Minh P, sinh ngày 11/3/2020. Khi ly hôn

chị C1 yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh Huỳnh Thế K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/con chung; phương thức cấp dưỡng là cấp dưỡng hàng tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Tòa án ra quyết định về việc giải quyết vụ án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị C1 vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu về tài sản chung và nợ chung. Về quan hệ hôn nhân, chị C1 đồng ý ly hôn với anh K. Về con chung, chị C1 yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Huỳnh Minh P và cháu Huỳnh Minh K1 và yêu cầu anh K cấp dưỡng cho 02 con chung theo quy định của pháp luật.

Tại Văn bản ý kiến nộp cho Tòa án, cháu Huỳnh Minh K1 thể hiện ý kiến, nguyện vọng được sống chung với mẹ khi cha, mẹ của cháu ly hôn.

Nguyên đơn đã giao nộp chứng cứ: Bản tự khai của nguyên đơn, Căn cước công dân của nguyên đơn (bản photo), Đơn xin xác nhận địa chỉ cư trú của bị đơn, Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), Giấy khai sinh của con chung (bản sao).

Bị đơn đã giao nộp chứng cứ: Căn cước công dân của bị đơn (bản photo).

Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Biên bản lấy lời khai của bị đơn; Biên bản xác minh ngày 14/4/2025.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Anh Huỳnh Thế K và chị Đoàn Kim C đăng ký kết hôn ngày 09/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Vợ, chồng anh Huỳnh Thế K và chị Đoàn Kim C có 02 (hai) con chung là cháu Huỳnh Minh K1, sinh ngày 11/5/2012 và cháu Huỳnh Minh P, sinh ngày 11/3/2020.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Thế K và chị Đoàn Kim C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ, chồng anh Huỳnh Thế K và chị Đoàn Kim C có 02 (hai) con chung là cháu Huỳnh Minh K1, sinh ngày 11/5/2012 và cháu Huỳnh Minh P, sinh ngày 11/3/2020. Anh K và chị C thống nhất giao con chung là cháu Huỳnh Minh K1 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng thì anh K đồng ý cấp dưỡng cho

con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Các bên không thống nhất về người trực tiếp nuôi con chung là cháu Huỳnh Minh P khi ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Huỳnh Thế K và chị Đoàn Kim C. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là cháu Huỳnh Minh K1, sinh ngày 11/5/2012 và cháu Huỳnh Minh P, sinh ngày 11/3/2020 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng; anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là cháu Huỳnh Minh K1 và cháu Huỳnh Minh P với mức cấp dưỡng 1.725.000 đồng/tháng đối với mỗi con chung; cấp dưỡng hàng tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang cũ, nay là xã V, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày

27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân và quan hệ pháp luật tranh chấp xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Thế K và chị Đoàn Kim C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 005/2011 ngày 09/02/2011. Xét thấy việc kết hôn của anh K và chị C tuân thủ theo các điều kiện quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa anh K và chị C là hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã ly thân từ khoảng tháng 11 năm 2023 cho đến nay. Tại phiên tòa bị đơn chị C thừa nhận trong quá trình chung sống giữa vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và thống nhất ly hôn với anh K. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên và tạo điều kiện để vợ, chồng đoàn tụ nhưng anh K và chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy hai bên thực sự tự nguyện ly hôn và việc thuận tình ly hôn của anh K và chị C phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh K và chị C.

[4] Về con chung: Vợ, chồng anh K và chị C có 02 (hai) con chung là cháu Huỳnh Minh K1, sinh ngày 11/5/2012 và cháu Huỳnh Minh P, sinh ngày 11/3/2020. Anh K và chị C thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn, chị C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu K1. Cháu K1 cũng thể hiện ý kiến, nguyện vọng được sống chung với mẹ khi cha, mẹ của cháu ly hôn. Xét thấy sự thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận. Đối với cháu P, anh K và chị C đều yêu cầu được tiếp nuôi dưỡng con chung trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, cháu P và cháu K1 hiện đang sống cùng nhau và sống cùng với mẹ, hơn nữa cháu P còn nhỏ tuổi nên cần hạn chế sự tác động tiêu cực về tâm lý và thay đổi môi trường sống của cháu khi cha, mẹ của cháu ly hôn. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận tiếp tục giao con chung là cháu P cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh K có nghĩa vụ, quyền của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; chị C có nghĩa vụ, quyền của người trực tiếp nuôi con đối với anh K theo quy định tại Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng cho con: Anh K và chị C thống nhất thỏa thuận trường hợp Tòa án giải quyết giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng thì anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận. Theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì: *“Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”*. Xét thấy, anh K đang cư trú tại Ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang cũ, nay là Ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ. Theo Nghị định số: 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thuộc vùng IV có mức lương tối thiểu vùng là 3.450.000 đồng/tháng. Do đó, mức cấp dưỡng là: 3.450.000 đồng/tháng $\times \frac{1}{2} = 1.725.000$ đồng/tháng đối với mỗi con chung. Về phương thức cấp dưỡng là cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn tại phiên tòa sơ thẩm nên mỗi bên đương sự phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn; người có nghĩa vụ cấp dưỡng anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án và điểm a khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Huỳnh Thế K và chị Đoàn Kim C.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là cháu Huỳnh Minh K1, sinh ngày 11/5/2012 và cháu Huỳnh Minh P, sinh ngày 11/3/2020 cho chị Đoàn Kim C trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng cho con: Anh Huỳnh Thế K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là cháu Huỳnh Minh K1, sinh ngày 11/5/2012 và cháu Huỳnh Minh P, sinh ngày 11/3/2020 với mức cấp dưỡng 1.725.000 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng)/tháng đối với mỗi con chung; cấp dưỡng hàng tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí:

Nguyên đơn anh Huỳnh Thế K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng), bao gồm: Án phí ly hôn với số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng với

số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền tạm ứng án phí anh Huỳnh Thế K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008980 ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Anh Huỳnh Thế K phải nộp thêm số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị đơn chị Đoàn Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Dương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 11 - Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự TP. Cần Thơ;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ánh Trúc